

Phụ lục IV (Biểu mẫu số 52)
QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH CẤP TỈNH THEO LĨNH VỰC NĂM 2025
(Quyết toán đã được Hội đồng nhân dân phê chuẩn)
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-STC ngày tháng năm 2026 của Sở Tài chính tỉnh Đắk Lắk)

Đơn vị: đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN	QUYẾT TOÁN	SO SÁNH	
				TUYỆT ĐỐI	TƯƠNG ĐỐI (%)
A	B	I	2	3=2-I	4=2/I
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	42.265.942.000.000	64.999.639.164.767	22.733.697.164.767	153,8
A	CHI BỔ SUNG CHO NGÂN SÁCH CẤP DƯỚI	12.570.247.000.000	19.366.956.766.818	6.796.709.766.818	154,1
	Chi bổ sung cân đối	9.448.955.000.000	9.407.447.019.602	- 41.507.980.398	
	Chi bổ sung có mục tiêu	3.121.292.000.000	9.959.509.747.216	6.838.217.747.216	
B	CHI NGÂN SÁCH CẤP TỈNH THEO LĨNH VỰC	29.695.695.000.000	24.363.547.722.895	- 5.332.147.277.105	82,0
I	Chi đầu tư phát triển	14.276.140.000.000	11.726.721.228.821	- 2.549.418.771.179	82,1
1	Chi đầu tư cho các dự án		11.464.192.490.502		
-	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề		1.119.001.399.550		
-	Chi khoa học và công nghệ		48.186.764.861		
-	Chi quốc phòng		107.153.034.201		
-	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội		200.619.704.748		
-	Chi y tế, dân số và gia đình		1.184.936.483.779		
-	Chi văn hóa thông tin		139.203.707.369		
-	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn		75.186.122.619		
-	Chi thể dục thể thao		12.469.787.000		
-	Chi bảo vệ môi trường		106.088.932.927		
-	Chi các hoạt động kinh tế		8.161.528.684.688		
-	Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể		280.711.375.926		
-	Chi bảo đảm xã hội		29.106.492.834		
-	Chi đầu tư khác		-		
2	Chi đầu tư và hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích do Nhà nước đặt hàng, các tổ chức kinh tế, các tổ chức tài chính của địa phương theo quy định của pháp luật		-		
3	Chi đầu tư phát triển khác		262.528.738.319		
II	Chi thường xuyên	14.886.729.000.000	12.628.726.909.584	- 2.258.002.090.416	84,8
-	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	2.735.851.000.000	2.653.850.353.887	- 82.000.646.113	97,0
-	Chi khoa học và công nghệ	52.818.000.000	37.832.062.081	- 14.985.937.919	71,6
-	Chi quốc phòng		340.102.723.914		
-	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội		282.505.962.630		
-	Chi y tế, dân số và gia đình		2.877.798.757.824		
-	Chi văn hóa thông tin		260.927.620.753		
-	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn		97.647.310.376		
-	Chi thể dục thể thao		99.007.280.209		
-	Chi bảo vệ môi trường		154.996.588.685		
-	Chi các hoạt động kinh tế		1.931.923.387.038		
-	Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể		2.866.088.179.207		
-	Chi bảo đảm xã hội		913.105.937.606		
-	Chi thường xuyên khác		112.940.745.374		
III	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay	5.000.000.000	3.659.584.490	- 1.340.415.510	73,2
IV	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	2.440.000.000	4.440.000.000	2.000.000.000	182,0
V	Dự phòng ngân sách	450.863.000.000	-	- 450.863.000.000	-
VI	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	74.523.000.000	-	- 74.523.000.000	-
C	CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM SAU		19.903.152.709.202		
D	CHI HỖ TRỢ ĐỊA PHƯƠNG KHÁC		6.000.000.000		
E	CHI NỢP NGÂN SÁCH CẤP TRÊN		1.359.981.965.852		